

Số: 555./QĐ-ĐHNL

Thái Nguyên, ngày 13. tháng 5. năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành danh mục ngành tốt nghiệp đại học ngành đúng, phù hợp và ngành gần với ngành đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

- Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;
 - Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục Đại học thành viên được Bộ trưởng bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt tại thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014;
 - Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục thành viên và đơn vị trực thuộc;
 - Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên;
 - Căn cứ danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp III do chính phủ ban hành theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ;
 - Căn cứ danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Căn cứ vào Biên bản đề nghị của Hội đồng khoa học Khoa chuyên môn;
- Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định là danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và quy định môn học bổ sung kiến thức trong thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ (có danh mục được đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày kí và thay thế cho Quyết định số 1951/QĐ-ĐHNL, ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành danh mục ngành tốt nghiệp đại học ngành đúng, phù hợp và gần với ngành đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các phòng, khoa, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHTN(b/c);
- Như điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Văn Điền

DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC

(Ban hành kèm theo QĐ số: 555 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

STT	Ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp Đại học			Môn học bổ sung kiến thức
		Ngành đúng/ngành phù hợp	Ngành gần	Ngành khác	
1	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	<ol style="list-style-type: none">1. Kinh tế nông nghiệp2. Chăn nuôi3. Khoa học cây trồng (Nông học)4. Di truyền và chọn giống cây trồng5. Bảo vệ thực vật6. Hệ thống nông nghiệp7. Khoa học đất8. Khuyến nông9. Chăn nuôi - thú y10. Công nghệ Rau - Hoa - Quả và cảnh quan11. Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp12. Công nghệ sau thu hoạch		<ol style="list-style-type: none">1. Phát triển nông thôn (2TC)2. Hệ thống nông nghiệp (2TC)3. Phương pháp khuyến nông (2TC)4. Xã hội học nông thôn (2TC)5. Nguyên lý phát triển nông thôn (2TC)6. Lập và phân tích DA PTNT (2TC)7. Chiến lược PTNT (2TC)8. Thông kê kinh tế xã hội (2TC)9. Chính sách PTNT (2TC)10. Kinh tế PTNT (2TC)

			<ul style="list-style-type: none"> 13. Xã hội học nông thôn 14. Kinh tế nông thôn 15. Tín dụng nông thôn 16. Kinh tế lâm nghiệp 17. Kinh tế thủy sản 18. Kinh tế thủy lợi 19. Kinh tế môi trường 20. Kinh tế tài nguyên 21. Kinh tế đầu tư 22. Kinh tế chính trị 23. Lâm nghiệp 24. Lâm nghiệp xã hội 25. Nông lâm kết hợp 26. Nông lâm tổng hợp 		
2	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> 1. Phát triển nông thôn 2. Chăn nuôi 3. Khoa học cây trồng 4. Di truyền và chọn giống cây trồng 5. Bảo vệ thực vật 6. Hệ thống nông nghiệp 7. Khoa học đất 8. Khuyến nông 9. Kinh doanh nông nghiệp 10. Kinh tế nông lâm ngư 11. Kinh tế lâm nghiệp 		<ul style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế nông nghiệp 2. Thuế nhà nước 3. Kinh tế lượng 4. Thương mại quốc tế 5. Kế toán doanh nghiệp 6. Lịch sử các học thuyết kinh tế 7. Sản phẩm hàng hóa thương hiệu 8. Marketing nông nghiệp

			12. Kinh tế thủy sản 13. Quản trị kinh doanh 14. Marketing 15. Kinh doanh thương mại 16. Tài chính 17. Ngân hàng 18. Kế toán 19. Tài chính - tín dụng 20. Kinh tế đầu tư 21. Kinh tế tài nguyên 22. Kinh tế chính trị 23. Kinh tế môi trường 24. Kinh tế nông thôn 25. Kinh tế thủy lợi 26. Kế toán 27. Nông học 28. Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp. 29. Lâm nghiệp xã hội 30. Nông lâm kết hợp 31. Nông lâm tổng hợp		
3	Khoa học môi trường	1. Khoa học môi trường 2. Khoa học và quản lý môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường 2. Công nghệ môi trường 3. Kỹ thuật môi trường 4. Hóa môi trường		1. Kỹ thuật xử lý nước thải và chất rắn (2TC) 2. Sinh thái môi trường (2TC) 3. Luật chính sách môi trường (2TC)

		<ul style="list-style-type: none"> 3. Quản lý môi trường 4. Quản lý tài nguyên và môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> 5. Địa chính môi trường 6. Kinh tế tài nguyên và môi trường 7. Bảo vệ môi trường đô thị 8. Xây dựng môi trường đô thị 9. An ninh môi trường 10. Cảnh sát môi trường 11. Biến đổi khí hậu 12. Khoa học trái đất 13. Khoa học đất 14. Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học 15. Quản lý tài nguyên thiên nhiên 16. Quản lý tài nguyên nước 17. Quản lý đất đai 18. Lâm học 19. Lâm sinh 20. Quản lý tài nguyên rừng 21. Công nghệ sinh học 		<ul style="list-style-type: none"> 4. Quy hoạch môi trường (2TC) 5. Quan trắc và phân tích môi trường (2TC) 6. Quản lý nhà nước về môi trường (2TC) 7. Công nghệ môi trường (2TC) 8. Đánh giá tác động môi trường (2TC) 9. Biện pháp sinh học trong xử lý MT (2TC) 10. Độc học môi trường (2TC)
4	Công nghệ sinh học	<ul style="list-style-type: none"> 1. Công nghệ sinh học 2. Kỹ thuật công nghệ sinh học 3. Sinh học 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Công nghệ Thực phẩm 2. Kỹ thuật thực phẩm 3. Công nghệ chế biến thủy sản 4. Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm 5. Công nghệ sau thu hoạch 8. Nông nghiệp 		<ul style="list-style-type: none"> 1. Sinh học phân tử (2TC) 2. Hóa sinh đại cương (2TC) 3. Vi sinh đại cương (2TC) 4. Di truyền đại cương (2TC) 5. Miễn dịch học (2TC) 6. Nhập môn công nghệ sinh học (2TC)



		ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> 10. Khuyến nông 11. Phát triển nông thôn 13. Nông học 14. Khoa học cây trồng 15. Bảo vệ thực vật 16. Nuôi trồng thủy sản 17. Bệnh học thủy sản 18. Công nghệ sau thu hoạch 19. Chăn nuôi 20. Thú y 		<ul style="list-style-type: none"> 7. Công nghệ tế bào động vật (2TC) 8. Công nghệ tế bào thực vật (2TC) 9. Nguyên lý kỹ thuật di truyền (2TC) 10. Tin sinh học (2TC)
5	Khoa học cây trồng	<ul style="list-style-type: none"> 1. Khoa học cây trồng 2. Trồng trọt 3. Nông học 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Khuyến nông 2. Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan 3. Bảo vệ thực vật 4. Phát triển nông thôn 5. Khoa học đất 6. Công nghệ sinh học 7. Kinh tế nông nghiệp 8. Hệ thống nông nghiệp 9. Khoa học đất 10. Di truyền và chọn giống cây trồng 11. Kỹ thuật nông nghiệp 		<ul style="list-style-type: none"> 1. Sinh lý thực vật (2TC) 2. Chọn tạo giống cây trồng (2TC) 3. Dinh dưỡng cây trồng (2TC) 4. Bảo vệ thực vật (2TC) 5. Phương pháp nghiên cứu trong trồng trọt (2TC) 6. Cây lương thực (2TC) 7. Cây công nghiệp (2TC) 8. Cây ăn quả (2TC) 9. Cây rau (2TC) 10. Cây hoa (2TC)

			<ul style="list-style-type: none"> 12. Nông hóa thổ nhưỡng 13. Chăn nuôi 14. Chăn nuôi thú y 15. Cử nhân nông nghiệp 16. Sinh học 17. Hoa viên cây cảnh 		
6	Chăn nuôi	Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thú y 2. Dược lý thú y 3. Nuôi trồng thủy sản 4. Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản 5. Kỹ thuật khai thác thủy sản 6. Quản lý nguồn lợi thủy sản 7. Sự phạm kỹ thuật nông nghiệp 8. Ngư y 9. Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản 10. Sinh học 11. Công nghệ sinh học 12. Phát triển nông thôn 13. Kinh tế nông nghiệp 14. Bệnh học thủy sản 15. Phát triển nông thôn 		<ul style="list-style-type: none"> 1. Thức ăn chăn nuôi (2TC) 2. Dinh dưỡng động vật (2TC) 3. Chăn nuôi trâu bò (2TC) 4. Chăn nuôi lợn (2TC) 5. Chăn nuôi gia cầm (2TC) 6. Di truyền động vật (2TC) 7. Dinh dưỡng động vật (2TC) 8. Sinh lý động vật (2TC) 9. Ký sinh trùng và bệnh KST TY (2TC) 10. Bệnh truyền nhiễm (2TC)



			<ul style="list-style-type: none"> 16. Công nghệ sản xuất động vật 17. Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi 18. Dinh dưỡng và công nghệ thức ăn chăn nuôi 19. Khoa học vật nuôi 20. Chăn nuôi - Thú y 21. Hệ thống nông nghiệp 22. Bảo vệ thực vật 23. Di truyền và chọn giống cây trồng 24. Khoa học cây trồng 25. Khoa học đất 		
7	Lâm học	<ul style="list-style-type: none"> 1. Lâm học 2. Lâm sinh 3. Lâm nghiệp 4. Nông lâm kết hợp 5. Lâm nghiệp xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Quản lý tài nguyên rừng 2. Quản lý tài nguyên rừng và môi trường 3. Quản lý tài nguyên 4. Quản lý bảo vệ rừng 5. Quản lý tài nguyên thiên nhiên 6. Quản lý môi trường 7. Quản lý tài nguyên nông lâm nghiệp 8. Lâm nghiệp đô thị/Cây 		<ul style="list-style-type: none"> 1. Kỹ thuật lâm sinh (2TC) 2. Cây rừng (2TC) 3. Giống cây lâm nghiệp (2TC) 4. Trồng rừng (2TC) 5. Điều tra rừng (2TC) 6. Quy hoạch lâm nghiệp (2TC) 7. Quản lý bảo vệ các loại rừng (2TC) 8. Động vật rừng (2TC) 9. Sinh thái rừng (2TC) 10. Khai thác lâm sản (2TC)

			xanh đô thị 9. Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học 10. Khoa học môi trường 11. Khoa học cây trồng 12. Trồng trọt 13. Nông nghiệp 14. Khuyến nông 18. Chế biến lâm sản/Công nghệ gỗ và chế biến lâm sản 19. Du lịch sinh thái		
8	Quản lý đất đai	1. Quản lý đất đai 2. Quản lý tài nguyên và môi trường 3. Địa chính 4. Quản lý ruộng đất 5. Địa chính - môi trường	1. Khoa học đất 2. Trắc địa - bản đồ; Bản đồ 3. Thổ nhưỡng 4. Nông hóa - Thổ nhưỡng 5. Kinh tế địa chính 6. Quản lý tài nguyên thiên nhiên 7. Kỹ thuật trắc địa bản đồ 8. Công nghệ địa chính 9. Tin học trắc địa, trắc địa công trình. Trắc địa mở 10. Viễn thám 11. Bất động sản 12. Địa lý 13. Quy hoạch và cải tạo đất 14. Kỹ thuật công trình	1. Nông học 2. Kiến trúc 3. Xây dựng 4. Sư phạm kỹ thuật 5. Công nghệ môi trường 6. Kỹ thuật môi trường 7. Luật kinh tế 8. Tài chính ngân hàng 9. Kế toán 10. Chăn nuôi; Thú y 11. Bản quản và CBNS 12. Công nghệ sinh học 13. Khuyến nông 14. Kỹ thuật cơ sở hạ tầng 15. Cơ khí. 16. Công nghệ sinh học	1. Trắc địa (2TC) 2. Bản đồ địa chính (2TC) 3. Thổ nhưỡng (2TC) 4. Đánh giá đất (2TC) 5. Quy hoạch sử dụng đất (2TC) 6. Tin học ứng dụng (2TC) 7. Định giá đất và bất động sản (2TC) 8. Quản lý hành chính về đất đai (2TC) 9. Giao đất và thu hồi đất (2TC) 10. Quản lý thị trường bất động sản (2TC)

			<p>xây dựng</p> <p>15. Quy hoạch vùng đô thị</p> <p>16. Bất động sản</p> <p>17. Quản lý biển đảo và đới bờ</p>	<p>17. Chính trị học</p> <p>18. Quản lý môi trường</p> <p>19. Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp xã hội; Nông lâm tổng hợp; Nông lâm kết hợp</p> <p>20. Quản trị kinh doanh</p> <p>21. Môi trường; Khoa học môi trường</p> <p>22. Công trình thủy lợi</p> <p>23. Luật học; Luật kinh doanh</p> <p>24. Xây dựng dân dụng và công nghiệp</p> <p>25. Tin học; Công nghệ tin học</p> <p>26. Kinh tế tài nguyên; Kinh tế phát triển</p> <p>27. Kinh tế; Kinh tế nông nghiệp</p>	
9	Thú y	Thú y	<p>1. Chăn nuôi</p> <p>2. Chăn nuôi - Thú y</p> <p>3. Nuôi trồng thủy sản</p> <p>4. Bệnh lý học và chữa bệnh động vật</p> <p>5. Kỹ thuật khai thác thủy sản</p> <p>6. Quản lý nguồn lợi thủy sản</p>		<p>1. Độc chất học thú y (2TC)</p> <p>2. Chẩn đoán bệnh thú y (2TC)</p> <p>3. Dịch tễ học thú y (2TC)</p> <p>4. Ngoại khoa thú y (2TC)</p> <p>5. Bệnh nội khoa thú y (2TC)</p> <p>6. Bệnh truyền nhiễm (2TC)</p> <p>7. Ký sinh trùng và bệnh KST</p>



		<p>7. Dược Thú y</p> <p>8. Sinh học</p> <p>9. Công nghệ sinh học</p> <p>10. Bệnh học thú y sản</p> <p>11. Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản</p> <p>12. Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp</p> <p>13. Cử nhân ngư y</p> <p>14. Bảo quản chế biến nông sản</p> <p>15. Công nghệ sản xuất động vật</p> <p>16. Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi</p> <p>17. Dinh dưỡng và công nghệ thức ăn chăn nuôi</p> <p>18. Khoa học vật nuôi</p>		<p>TY(2TC)</p> <p>8. Dược lý học thú y (2TC)</p> <p>9. Kiểm nghiệm thú sản(2TC)</p> <p>10. Sản khoa thú y (2TC)</p>
--	--	--	--	---


